TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20-5-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hiếu Trọn.

2. Ông Từ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2019/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị A, sinh năm 1988; thường trú: Ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang; tạm trú: D5, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1980; thường trú: Ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang; tạm trú: D5, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Chị Ngô Thị A có yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Nguyễn Văn N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị A và anh Nguyễn Văn N tìm hiểu nhau trong khoảng thời gian 01 năm thì tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01/2013 cấp ngày 01/4/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng sống tại xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Năm 2014, sau khi sinh con được 03 tháng thì vợ chồng chuyển về khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Đến năm 2016, anh chị chuyển về địa chỉ D5, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Anh N làm nghề bán dừa dạo, thu nhập bao nhiêu chị A không rõ. Chị A bán mỹ phẩm, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Cũng từ năm 2016, vợ chồng bắt đầu có nhiều mâu thuẫn, do anh N sống không có trách nhiệm với gia đình, làm được bao nhiêu tiền đều dùng để cờ bạc không phụ giúp chị A chăm sóc con, mọi công việc trong gia đình đều do chị A gánh vác. Khi thấy chị A gặp gỡ bạn bè, anh N ghen tuông vô cớ, hay dằn vặt và đe dọa làm chị A rất lo sợ, do đó, vợ chồng không còn nói chuyện chia sẻ được với nhau. Hiện nay, vợ chồng anh chị vẫn sống cùng nhà nhưng đã ly thân từ tháng 3/2018, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay chị Ngô Thị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thiện N, sinh ngày 29/7/2013. Hiện nay con đang ở với vợ chồng anh chị. Từ trước đến nay, 01 mình chị chăm sóc, nuôi dạy con, mọi chi tiêu cho con và tiền đi học của con đều do chị A lo, anh N không phụ giúp gì. Bản thân chị tự nhận có đủ điều kiện chăm sóc tốt cho con, do đó, sau khi ly hôn chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được Toà án thông báo tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh Nguyễn Văn N không đến Toà án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ngày 28/02/2019, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống giữa chị Ngô Thị A và anh Nguyễn Văn N tại địa phương và được cung cấp: Hội liên hiệp phụ nữ phường A không nhận được đơn đề nghị hòa giải quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị A và anh Nguyễn Văn N. Đồng thời Hội cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó không biết rõ giữa hai anh chị có mâu thuẫn như thế nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án: nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị A.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cháu Nguyễn Thiện N, sinh ngày 29/7/2013 cho chị Ngô Thị A trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị Ngô Thị A không yêu cầu anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 26/4/2019 và ngày 20/5/2019 nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị A và anh Nguyễn Văn N tìm hiểu nhau 01 năm thì tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01/2013 cấp ngày 01/4/2013 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị Ngô Thị A cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống từ năm 2016, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do anh N sống không có trách nhiệm với gia đình, làm được bao nhiêu tiền đều dùng để cờ bạc không phụ giúp chị A chăm sóc con, mọi công việc trong gia đình đều do chị A gánh vác. Khi thấy chị A gặp gỡ bạn bè, anh N ghen tuông vô cớ, hay dằn vặt và đe dọa làm chị A rất lo sợ, do đó, vợ chồng không nói chuyện chia sẻ được với nhau. Hiện nay, vợ chồng anh chị vẫn sống cùng nhà nhưng đã ly thân từ tháng 3/2018, không còn quan tâm, chăm sóc nhau và cũng không cùng nhau chăm lo cho gia đình và con cái.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Văn N đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Nguyễn Văn N không có mặt, chị Ngô Thị A cũng có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải với anh Nguyễn Văn N. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của anh chị đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc anh Nguyễn Văn N bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị Ngô Thị A cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Ngô Thị A và anh Nguyễn Văn N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Ngô Thị A.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thiện N, sinh ngày 29/7/2013.

Xét, trong suốt quá trình tố tụng, anh N vắng mặt nên không có ý kiến về việc nuôi con chung. Hiện nay cháu N đang ở cùng với anh chị, tuy nhiên, chỉ có chị A là người trực tiếp chăm sóc nuôi dạy con. Chị A đang bán mỹ phẩm, thu nhập ổn định 7.000.000 đồng/tháng, chị A có điều kiện để chăm lo cho con. Bên cạnh đó, cháu N còn nhỏ nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Xét thấy, khi giải quyết ly hôn, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi thì phải đảm bảo được sự phát triển toàn diện về mọi mặt cho đứa trẻ. Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị A về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Thiện N. Ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị A phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị A đối với anh Nguyễn Văn N về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn N có trách nhiệm giao con chung tên Nguyễn Thiện N, sinh ngày 29/7/2013 cho chị Ngô Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ngô Thị A không yêu cầu anh Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Ngô Thị A và anh Nguyễn Văn N đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Nguyễn Văn N lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Ngô Thị A nuôi con thì chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Ngô Thị A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0028032, ngày 22/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Chị Ngô Thị A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung